TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH Q**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 100/2023/QĐST - HNGĐ	*H, ngày 03 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH Q

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, Điều 149, 212, 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 77/2023/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Lê Mai H1, sinh năm 1988.

Nơi thường trú: tổ 50B, khu 4A, phường C, thành phố H, tỉnh Q.

- Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1984.

Nơi thường trú: tổ 50B, khu 4A, phường C, thành phố H, tỉnh Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Mai H1 và anh Nguyễn Thanh T kết hôn với nhau vào ngày 09/12/2009, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố H, tỉnh Q trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị H1 và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không tôn trọng nhau. Sau một thời gian hàn gắn và được bố mẹ hai bên khuyên can, hòa giải nhưng không có kết quả, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H1 và anh T đã quyết định ly thân với nhau từ tháng 12 năm 2021 đến nay. Chị H1 và anh T xác định không còn tình cảm vợ chồng vì vậy, việc anh, chị đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: chị Lê Mai H1 và anh Nguyễn Thanh T có 03 con chung là Nguyễn Thủy C, sinh ngày 26/10/2010; Nguyễn Thủy V, sinh ngày 04/4/2014 và Nguyễn Lê Ánh D, sinh ngày 18/6/2019. Khi ly hôn, chị H1 và anh T thỏa thuận, thống nhất chị H1 có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thủy C và Nguyễn Lê Ánh D đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); anh T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thủy V đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Nguyễn Lê Ánh D số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng; thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 7 năm 2023 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi); chị H1 không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Chị H1 và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và vay nợ chung: chị Lê Mai H1 và anh Nguyễn Thanh T không có tài sản chung; vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: chị Lê Mai H1 tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Mai H1 và anh Nguyễn Thanh T cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: chị Lê Mai H1 có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thủy Chi, sinh ngày 26/10/2010 và Nguyễn Lê Ánh D, sinh ngày 18/6/2019 đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); anh Nguyễn Thanh T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thủy V, sinh ngày 04/4/2014 đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Nguyễn Lê Ánh D số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng; thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 7 năm 2023 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi); chị H1 không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Chị H1 và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: chị Lê Mai H1 và anh Nguyễn Thanh T không có tài sản chung và không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: chị Lê Mai H1 chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng

lệ phí theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0001680 ngày 12/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H. Chị H1 đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Q;
- Viện KSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- UBND phường C, thành phố H, tỉnh Q;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Trọng Hiệp